

令和6年度

ことひら

# 地区別ごみ収集カレンダー

KOTOHIRA TOWN GARBAGE COLLECTION CALENDAR

琴平町垃圾収集表

Lịch thu gom rác thị trấn KOTOHIRA  
Hãy kiểm tra nơi bạn sống.



**ハッピーマンデー  
可燃ごみ収集スタート!!**

Put out garbage between 7:00 am-8:00 am on collection days.  
請於收集日的早上7~8點間將垃圾放置收集地。  
Vui lòng bỏ rác trước 7-8 giờ sáng của ngày thu gom.

**お願い**  
ごみは収集日の  
朝**7~8時**の間に  
出してください。



 **琴平町住民福祉課**  
TEL : 75-6707 FAX : 73-2140

お住まいの地区のページを開いて、壁面に吊るしてご活用ください  
〈切り離さずご使用下さい。〉 〈収集の曜日は変更ありません。〉

# ごみ収集カレンダー

KOTOHIRA TOWN GARBAGE COLLECTION CALENDAR 琴平町垃圾收集表  
 Lịch thu gom rác thị trấn KOTOHIRA Hãy kiểm tra nơi bạn sống.

1 地区			
<b>可燃</b> 毎週 月・木曜日	<b>不燃</b> 毎月 第1・3火曜日	<b>資源</b> 毎月 第2水曜日	<b>プラ</b> 毎月 第4水曜日

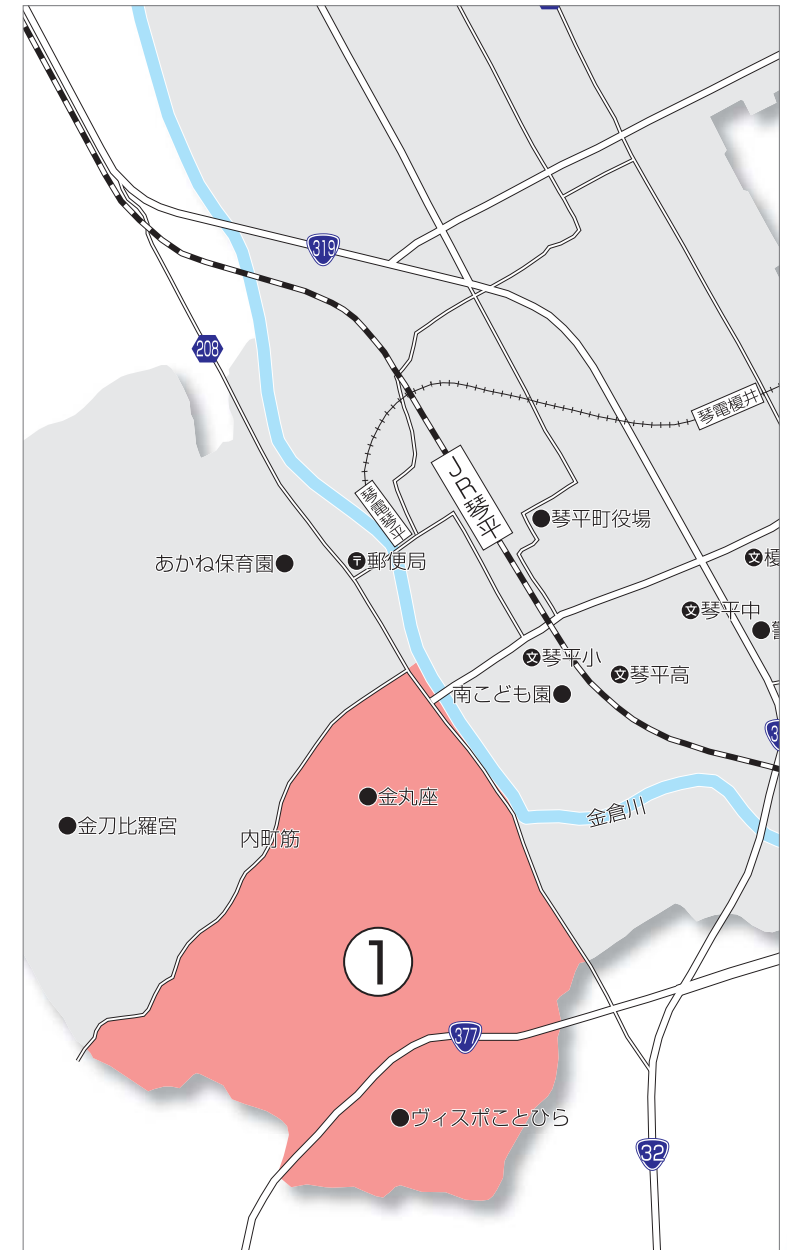
※ごみの収集日程に変更がある場合は、「広報ことひら」や自治会の回覧、琴平町ホームページでお知らせします。  
 琴平町指定ごみ袋（可燃・不燃）は、スーパーマーケット、ホームセンター、小売店等で購入できます。

※如果收集垃圾的时间有变更的话，会在「広報琴平」或自治会的传单，琴平町官网上通知  
 琴平町指定垃圾袋（可燃・不可燃两种）可在超市，家庭材料大卖场，小商店等地方购买

In the case of schedule changes, we would like to inform you of its details through our Public Relations department, and the Kotohira Town website. Details can also be found through posted flyers throughout town. Designated Kotohira town garbage bags can be bought at local supermarkets, department stores, and retailers.

Nếu ngày thu gom rác thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo cho bạn trên "Public Relations Kotohira" hoặc trang web của chúng tôi. Bạn có thể mua túi đựng rác được chỉ định ở Thị trấn Kotohira tại siêu thị. Không thu thập trong các túi khác.

月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	
毎週	隔週 (第1、第3)	第2水曜日	第4水曜日	毎週
Weekly	1st and 3rd Tue	2nd Wed	4th Wed	Weekly
每周	隔周 星期二 (第1週, 第3週)	第2週星期三	第4週星期三	每周
Hàng tuần	Tuần thứ 1 và thứ 3	Tuần thứ 2 "Thứ tư"	Tuần thứ 4 "Thứ tư"	Hàng tuần
 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(不燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác không đốt được)			 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)
可燃ごみ	不燃ごみ	資源ごみ	プラスチック	可燃ごみ
Burnable garbage	Non-burnable garbage	Recyclable garbage	Plastic	Burnable garbage
可燃垃圾	不可燃垃圾	資源回収垃圾	塑料	可燃垃圾
Rác đốt được	Rác không đốt được	Ngày thu gom rác tái chế	Đồ nhựa	Rác đốt được



収集地区の範囲、曜日は昨年と変更ありません

ごみは収集日の朝 7 ~ 8 時の間に出してください。

# 4月 APRIL 2024

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
	可燃	不燃		可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		資源	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃	不燃		可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		プラ	可燃		
28	29	30				
	可燃					

# 5月 MAY

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
				可燃		
5	6	7	8	9	10	11
	可燃	不燃	資源	可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃			可燃		
19	20	21	22	23	24	25
	可燃	不燃	プラ	可燃		
26	27	28	29	30	31	
	可燃			可燃		

# 6月 JUNE

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃	不燃		可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃		資源	可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃	不燃		可燃		
23	24	25	26	27	28	29
	可燃		プラ	可燃		
30						

# 7月 JULY

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
	可燃	不燃		可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		資源	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃	不燃		可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		プラ	可燃		
28	29	30	31			
	可燃					

# 8月 AUGUST

日	月	火	水	木	金	土
				1	2	3
				可燃		
4	5	6	7	8	9	10
	可燃	不燃		可燃		
11	12	13	14	15	16	17
	可燃		資源	可燃		
18	19	20	21	22	23	24
	可燃	不燃		可燃		
25	26	27	28	29	30	31
	可燃		プラ	可燃		

# 9月 SEPTEMBER

日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7
	可燃	不燃		可燃		
8	9	10	11	12	13	14
	可燃		資源	可燃		
15	16	17	18	19	20	21
	可燃	不燃		可燃		
22	23	24	25	26	27	28
	可燃		プラ	可燃		
29	30					
	可燃					

# 10月 OCTOBER

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
			不燃		可燃	
6	7	8	9	10	11	12
	可燃		資源	可燃		
13	14	15	16	17	18	19
	可燃	不燃		可燃		
20	21	22	23	24	25	26
	可燃		プラ	可燃		
27	28	29	30	31		
	可燃			可燃		

# 11月 NOVEMBER

日	月	火	水	木	金	土
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
	可燃	不燃		可燃		
10	11	12	13	14	15	16
	可燃		資源	可燃		
17	18	19	20	21	22	23
	可燃	不燃		可燃		
24	25	26	27	28	29	30
	可燃		プラ	可燃		

# 12月 DECEMBER

日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7
	可燃	不燃		可燃		
8	9	10	11	12	13	14
	可燃		資源	可燃		
15	16	17	18	19	20	21
	可燃	不燃		可燃		
22	23	24	25	26	27	28
	可燃		プラ	可燃		
29	30	31				
	可燃					

# 1月 JANUARY 2025

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
	可燃	不燃	資源	可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃			可燃		
19	20	21	22	23	24	25
	可燃	不燃	プラ	可燃		
26	27	28	29	30	31	
	可燃			可燃		

# 2月 FEBRUARY

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃	不燃		可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃		資源	可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃	不燃		可燃		
23	24	25	26	27	28	
	可燃		プラ	可燃		

# 3月 MARCH

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃	不燃		可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃		資源	可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃	不燃		可燃		
23	24	25	26	27	28	29
	可燃		プラ	可燃		
30	31					
	可燃					

# ごみ収集カレンダー

KOTOHIRA TOWN GARBAGE COLLECTION CALENDAR 琴平町垃圾收集表  
 Lịch thu gom rác thị trấn KOTOHIRA Hầy kiểm tra nơi bạn sống.

2 地区			
<b>可燃</b> 毎週 月・木曜日	<b>不燃</b> 毎月 第1・3金曜日	<b>資源</b> 毎月 第2水曜日	<b>プラ</b> 毎月 第4水曜日

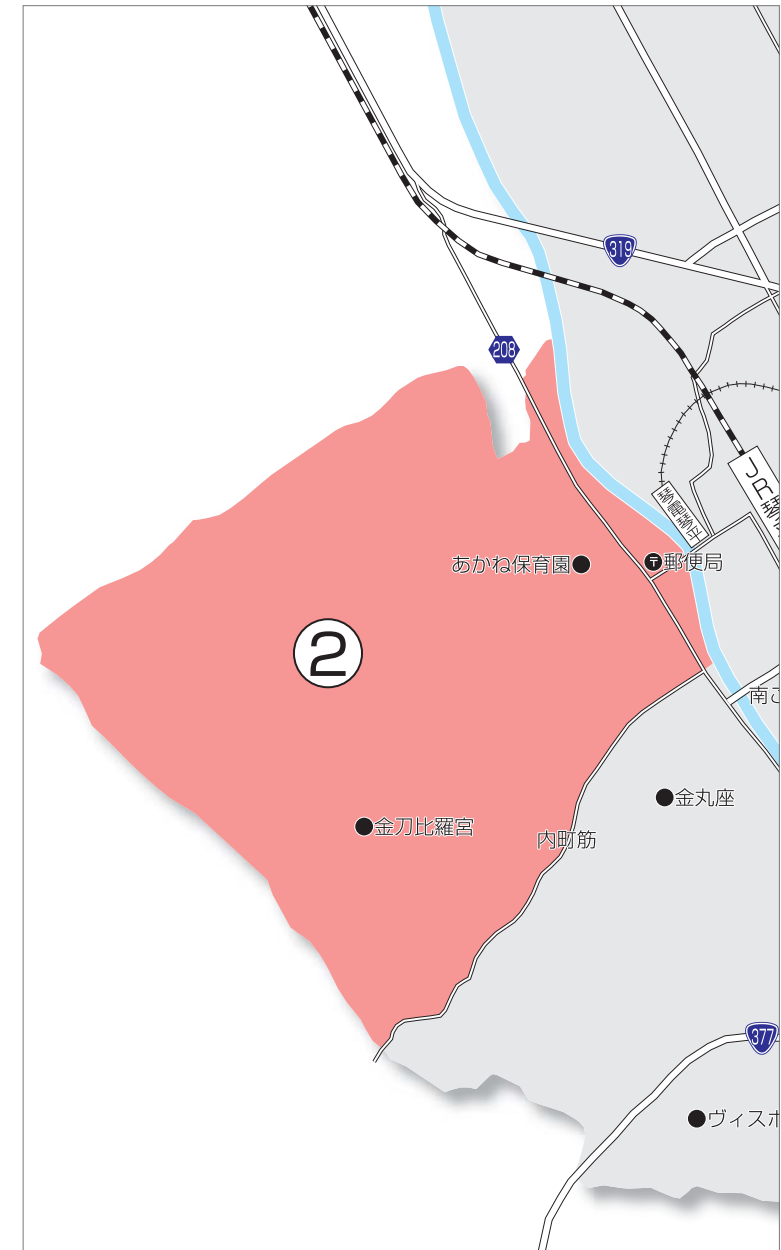
※ごみの収集日程に変更がある場合は、「広報ことひら」や自治会の回覧、琴平町ホームページでお知らせします。  
 琴平町指定ごみ袋（可燃・不燃）は、スーパーマーケット、ホームセンター、小売店等で購入できます。

※如果收集垃圾的時間有變更的話，會在「広報琴平」或自治會的傳單，琴平町官網上通知  
 琴平町指定垃圾袋（可燃・不可燃兩種）可在超市，家庭材料大賣場，小商店等地方購買

In the case of schedule changes, we would like to inform you of its details through our Public Relations department, and the Kotohira Town website. Details can also be found through posted flyers throughout town. Designated Kotohira town garbage bags can be bought at local supermarkets, department stores, and retailers.

Nếu ngày thu gom rác thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo cho bạn trên "Public Relations Kotohira" hoặc trang web của chúng tôi. Bạn có thể mua túi đựng rác được chỉ định ở Thị trấn Kotohira tại siêu thị. Không thu thập trong các túi khác.

月 MON	水 WED	木 THU	金 FRI
毎週	第2水曜日	毎週	隔週 (第1、第3)
Weekly	2nd Wed	Weekly	1st and 3rd Fri
每周	第2週星期三	每周	隔周 星期五 (第1週, 第3週)
Hàng tuần	Tuần thứ 2 "Thứ tư"	Hàng tuần	Tuần thứ 1 và thứ 3
 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(不燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác không đốt được)
可燃ごみ	資源ごみ	プラスチック	不燃ごみ
Burnable garbage	Recyclable garbage	Plastic	Non-burnable garbage
可燃垃圾	資源回収垃圾	塑料	不可燃垃圾
Rác đốt được	Ngày thu gom rác tái chế	Đồ nhựa	Rác không đốt được



収集地区の範囲、曜日は昨年と変更ありません

ごみは収集日の朝 7 ~ 8 時の間に出してください。

# 4月 APRIL 2024

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
	可燃			可燃	不燃	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		資源	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃			可燃	不燃	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		プラ	可燃		
28	29	30				
	可燃					

# 5月 MAY

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
				可燃		
5	6	7	8	9	10	11
	可燃		資源	可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃			可燃	不燃	
19	20	21	22	23	24	25
	可燃		プラ	可燃		
26	27	28	29	30	31	
	可燃			可燃		

# 6月 JUNE

日	月	火	水	木	金	土
						1
	可燃			可燃	不燃	
2	3	4	5	6	7	8
	可燃			可燃	不燃	
9	10	11	12	13	14	15
	可燃		資源	可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃			可燃	不燃	
23	24	25	26	27	28	29
	可燃		プラ	可燃		
30						

# 7月 JULY

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
	可燃			可燃	不燃	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		資源	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃			可燃	不燃	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		プラ	可燃		
28	29	30	31			
	可燃					

# 8月 AUGUST

日	月	火	水	木	金	土
				1	2	3
				可燃	不燃	
4	5	6	7	8	9	10
	可燃			可燃		
11	12	13	14	15	16	17
	可燃		資源	可燃	不燃	
18	19	20	21	22	23	24
	可燃			可燃		
25	26	27	28	29	30	31
	可燃		プラ	可燃		

# 9月 SEPTEMBER

日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7
	可燃			可燃	不燃	
8	9	10	11	12	13	14
	可燃		資源	可燃		
15	16	17	18	19	20	21
	可燃			可燃	不燃	
22	23	24	25	26	27	28
	可燃		プラ	可燃		
29	30					
	可燃					

# 10月 OCTOBER

日	月	火	水	木	金	土
						1
				可燃	不燃	
6	7	8	9	10	11	12
	可燃		資源	可燃		
13	14	15	16	17	18	19
	可燃			可燃	不燃	
20	21	22	23	24	25	26
	可燃		プラ	可燃		
27	28	29	30	31		
	可燃			可燃		

# 11月 NOVEMBER

日	月	火	水	木	金	土
						1
						2
						不燃
3	4	5	6	7	8	9
	可燃			可燃		
10	11	12	13	14	15	16
	可燃		資源	可燃	不燃	
17	18	19	20	21	22	23
	可燃			可燃		
24	25	26	27	28	29	30
	可燃		プラ	可燃		

# 12月 DECEMBER

日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7
	可燃			可燃	不燃	
8	9	10	11	12	13	14
	可燃		資源	可燃		
15	16	17	18	19	20	21
	可燃			可燃	不燃	
22	23	24	25	26	27	28
	可燃		プラ	可燃		
29	30	31				
	可燃					

# 1月 JANUARY 2025

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
	可燃		資源	可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃			可燃	不燃	
19	20	21	22	23	24	25
	可燃		プラ	可燃		
26	27	28	29	30	31	
	可燃			可燃		

# 2月 FEBRUARY

日	月	火	水	木	金	土
						1
	可燃			可燃	不燃	
2	3	4	5	6	7	8
	可燃			可燃	不燃	
9	10	11	12	13	14	15
	可燃		資源	可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃			可燃	不燃	
23	24	25	26	27	28	
	可燃		プラ	可燃		

# 3月 MARCH

日	月	火	水	木	金	土
						1
	可燃			可燃	不燃	
2	3	4	5	6	7	8
	可燃			可燃	不燃	
9	10	11	12	13	14	15
	可燃		資源	可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃			可燃	不燃	
23	24	25	26	27	28	29
	可燃		プラ	可燃		
30	31					
	可燃					

# ごみ収集カレンダー

KOTOHIRA TOWN GARBAGE COLLECTION CALENDAR 琴平町垃圾收集表  
 Lịch thu gom rác thị trấn KOTOHIRA Hãy kiểm tra nơi bạn sống.

3 地区			
<b>可燃</b> 毎週 月・木曜日	<b>不燃</b> 毎月 第1・3火曜日	<b>資源</b> 毎月 第4水曜日	<b>プラ</b> 毎月 第2水曜日

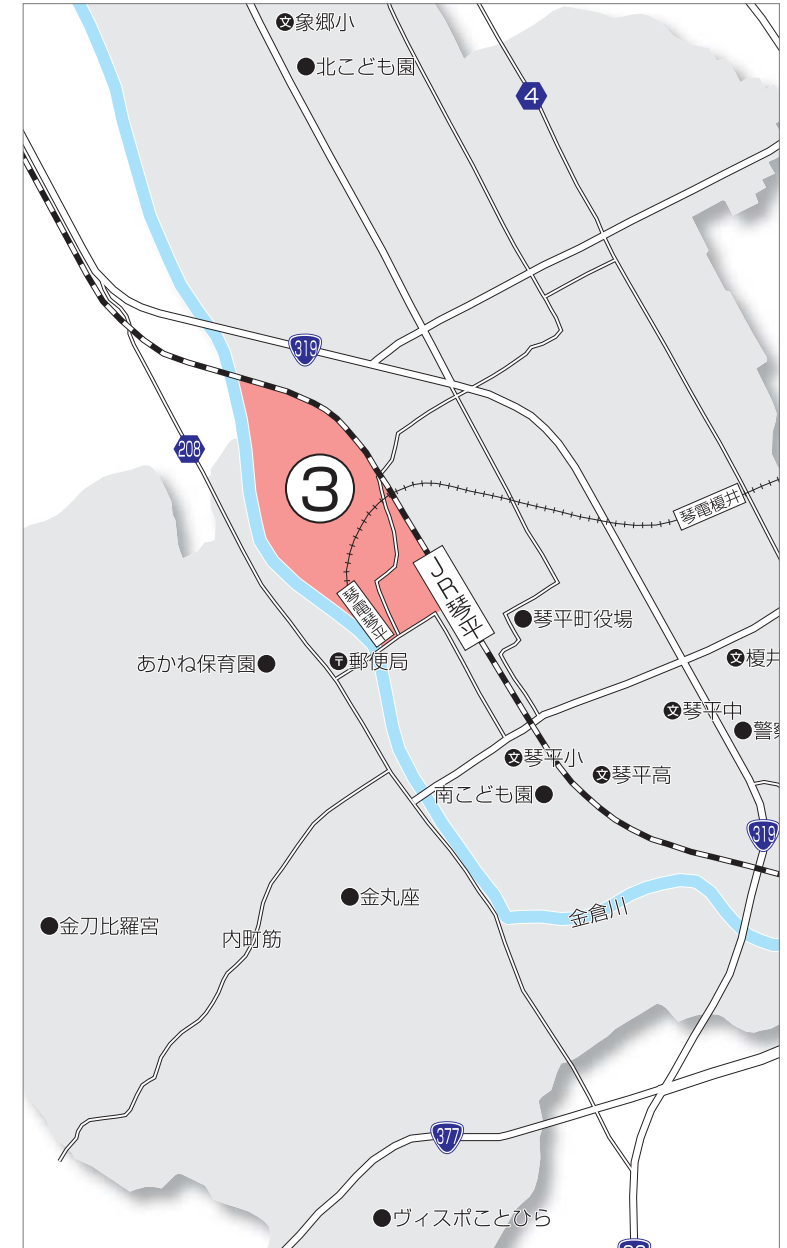
※ごみの収集日程に変更がある場合は、「広報ことひら」や自治会の回覧、琴平町ホームページでお知らせします。  
 琴平町指定ごみ袋（可燃・不燃）は、スーパーマーケット、ホームセンター、小売店等で購入できます。

※如果收集垃圾的時間有變更的話，會在「廣報琴平」或自治會的傳單，琴平町官網上通知  
 琴平町指定垃圾袋（可燃・不可燃兩種）可在超市，家庭材料大賣場，小商店等地方購買

In the case of schedule changes, we would like to inform you of its details through our Public Relations department, and the Kotohira Town website. Details can also be found through posted flyers throughout town. Designated Kotohira town garbage bags can be bought at local supermarkets, department stores, and retailers.

Nếu ngày thu gom rác thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo cho bạn trên "Public Relations Kotohira" hoặc trang web của chúng tôi. Bạn có thể mua túi đựng rác được chỉ định ở Thị trấn Kotohira tại siêu thị. Không thu thập trong các túi khác.

月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	
毎週	隔週 (第1、第3)	第2水曜日	第4水曜日	毎週
Weekly	1st and 3rd Tue	2nd Wed	4th Wed	Weekly
每周	隔周 星期二 (第1週, 第3週)	第2週星期三	第4週星期三	每周
Hàng tuần	Tuần thứ 1 và thứ 3	Tuần thứ 2 "Thứ tư"	Tuần thứ 4 "Thứ tư"	Hàng tuần
				
(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(不燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác không đốt được)			(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)
可燃ごみ	不燃ごみ	プラスチック	資源ごみ	可燃ごみ
Burnable garbage	Non-burnable garbage	Plastic	Recyclable garbage	Burnable garbage
可燃垃圾	不可燃垃圾	塑料	資源回収垃圾	可燃垃圾
Rác đốt được	Rác không đốt được	Đồ nhựa	Ngày thu gom rác tái chế	Rác đốt được



収集地区の範囲、曜日は昨年と変更ありません

ごみは収集日の朝 7 ~ 8 時の間に出してください。

# 4月 APRIL 2024

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
	可燃	不燃		可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		プラ	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃	不燃		可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		資源	可燃		
28	29	30				
	可燃					

# 5月 MAY

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
				可燃		
5	6	7	8	9	10	11
	可燃	不燃	プラ	可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃			可燃		
19	20	21	22	23	24	25
	可燃	不燃	資源	可燃		
26	27	28	29	30	31	
	可燃			可燃		

# 6月 JUNE

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃	不燃		可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃		プラ	可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃	不燃		可燃		
23	24	25	26	27	28	29
	可燃		資源	可燃		
30						

# 7月 JULY

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
	可燃	不燃		可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		プラ	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃	不燃		可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		資源	可燃		
28	29	30	31			
	可燃					

# 8月 AUGUST

日	月	火	水	木	金	土
				1	2	3
				可燃		
4	5	6	7	8	9	10
	可燃	不燃		可燃		
11	12	13	14	15	16	17
	可燃		プラ	可燃		
18	19	20	21	22	23	24
	可燃	不燃		可燃		
25	26	27	28	29	30	31
	可燃		資源	可燃		

# 9月 SEPTEMBER

日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7
	可燃	不燃		可燃		
8	9	10	11	12	13	14
	可燃		プラ	可燃		
15	16	17	18	19	20	21
	可燃	不燃		可燃		
22	23	24	25	26	27	28
	可燃		資源	可燃		
29	30					
	可燃					

# 10月 OCTOBER

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
			不燃		可燃	
6	7	8	9	10	11	12
	可燃		プラ	可燃		
13	14	15	16	17	18	19
	可燃	不燃		可燃		
20	21	22	23	24	25	26
	可燃		資源	可燃		
27	28	29	30	31		
	可燃			可燃		

# 11月 NOVEMBER

日	月	火	水	木	金	土
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
	可燃	不燃		可燃		
10	11	12	13	14	15	16
	可燃		プラ	可燃		
17	18	19	20	21	22	23
	可燃	不燃		可燃		
24	25	26	27	28	29	30
	可燃		資源	可燃		

# 12月 DECEMBER

日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7
	可燃	不燃		可燃		
8	9	10	11	12	13	14
	可燃		プラ	可燃		
15	16	17	18	19	20	21
	可燃	不燃		可燃		
22	23	24	25	26	27	28
	可燃		資源	可燃		
29	30	31				
	可燃					

# 1月 JANUARY 2025

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
	可燃	不燃	プラ	可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃			可燃		
19	20	21	22	23	24	25
	可燃	不燃	資源	可燃		
26	27	28	29	30	31	
	可燃			可燃		

# 2月 FEBRUARY

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃	不燃		可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃		プラ	可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃	不燃		可燃		
23	24	25	26	27	28	
	可燃		資源	可燃		

# 3月 MARCH

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃	不燃		可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃		プラ	可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃	不燃		可燃		
23	24	25	26	27	28	29
	可燃		資源	可燃		
30	31					
	可燃					

# ごみ収集カレンダー

KOTOHIRA TOWN GARBAGE COLLECTION CALENDAR 琴平町垃圾收集表  
 Lịch thu gom rác thị trấn KOTOHIRA Hãy kiểm tra nơi bạn sống.

4 地区			
<b>可燃</b> 毎週 火・金曜日	<b>不燃</b> 毎月 第1・3月曜日	<b>資源</b> 毎月 第4水曜日	<b>プラ</b> 毎月 第2水曜日

※ごみの収集日程に変更がある場合は、「広報ことひら」や自治会の回覧、琴平町ホームページでお知らせします。  
 琴平町指定ごみ袋（可燃・不燃）は、スーパーマーケット、ホームセンター、小売店等で購入できます。

※如果收集垃圾的時間有變更的話，會在「廣報琴平」或自治會的傳單，琴平町官網上通知  
 琴平町指定垃圾袋（可燃・不可燃兩種）可在超市，家庭材料大賣場，小商店等地方購買

In the case of schedule changes, we would like to inform you of its details through our Public Relations department, and the Kotohira Town website. Details can also be found through posted flyers throughout town. Designated Kotohira town garbage bags can be bought at local supermarkets, department stores, and retailers.

Nếu ngày thu gom rác thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo cho bạn trên "Public Relations Kotohira" hoặc trang web của chúng tôi. Bạn có thể mua túi đựng rác được chỉ định ở Thị trấn Kotohira tại siêu thị. Không thu thập trong các túi khác.

月 MON	火 TUE	水 WED	金 FRI	
隔週 (第1、第3)	毎週	第2水曜日	第4水曜日	毎週
1st and 3rd Mon	Weekly	2nd Wed	4th Wed	Weekly
隔週 星期一 (第1週, 第3週)	每周	第2週星期三	第4週星期三	每周
Tuần thứ 1 và thứ 3	Hàng tuần	Tuần thứ 2 "Thứ tư"	Tuần thứ 4 "Thứ tư"	Hàng tuần
 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(不燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác không đốt được)	 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(資源) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	
不燃ごみ	可燃ごみ	プラスチック	資源ごみ	可燃ごみ
Non-burnable garbage	Burnable garbage	Plastic	Recyclable garbage	Burnable garbage
不可燃垃圾	可燃垃圾	塑料	資源回收垃圾	可燃垃圾
Rác không đốt được	Rác đốt được	Đồ nhựa	Ngày thu gom rác tái chế	Rác đốt được



収集地区の範囲、曜日は昨年と変更ありません

ごみは収集日の朝 7 ~ 8 時の間に出してください。





# ごみ収集カレンダー

KOTOHIRA TOWN GARBAGE COLLECTION CALENDAR 琴平町垃圾收集表  
 Lịch thu gom rác thị trấn KOTOHIRA Hủy kiểm tra nơi bạn sống.

5 地区			
<b>可燃</b> 毎週 火・金曜日	<b>不燃</b> 毎月 第1・3木曜日	<b>資源</b> 毎月 第4水曜日	<b>プラ</b> 毎月 第2水曜日

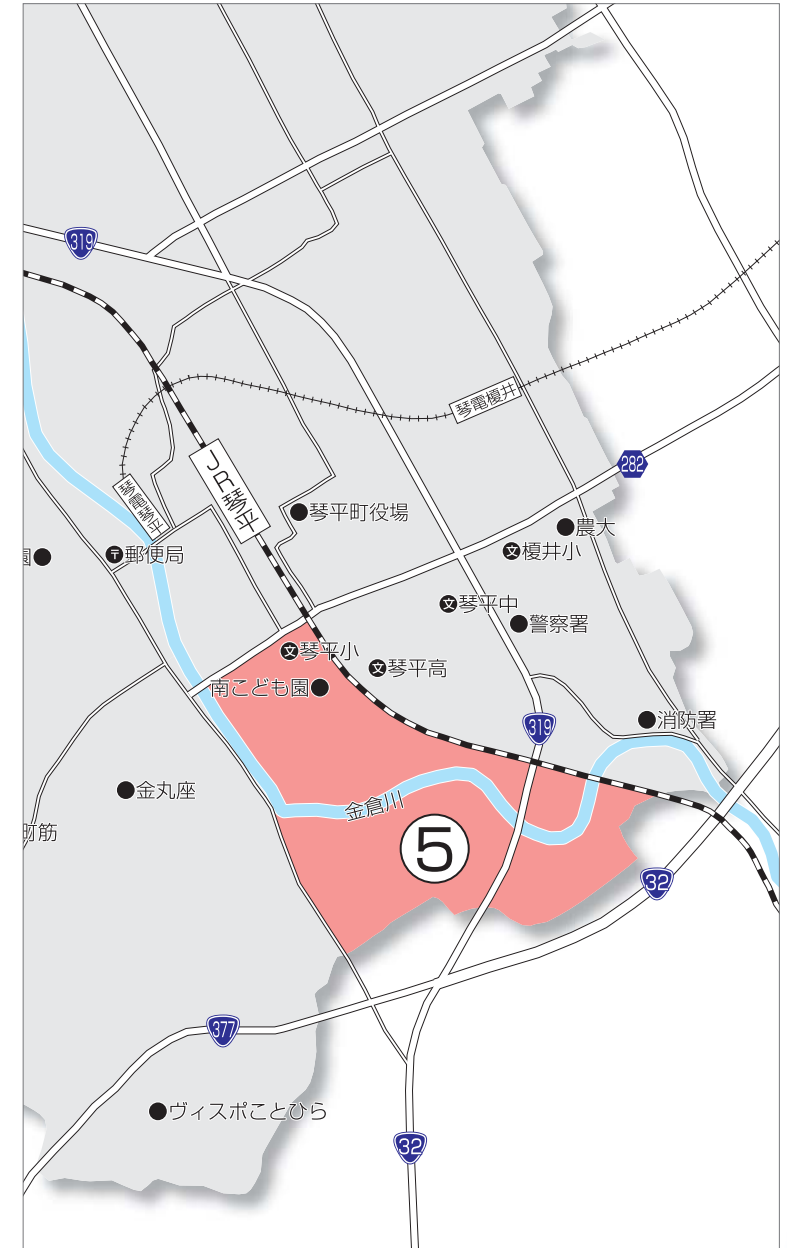
※ごみの収集日程に変更がある場合は、「広報ことひら」や自治会の回覧、琴平町ホームページでお知らせします。  
 琴平町指定ごみ袋（可燃・不燃）は、スーパーマーケット、ホームセンター、小売店等で購入できます。

※如果收集垃圾的時間有變更的話，會在「廣報琴平」或自治會的傳單，琴平町官網上通知  
 琴平町指定垃圾袋（可燃・不可燃兩種）可在超市，家庭材料大賣場，小商店等地方購買

In the case of schedule changes, we would like to inform you of its details through our Public Relations department, and the Kotohira Town website. Details can also be found through posted flyers throughout town. Designated Kotohira town garbage bags can be bought at local supermarkets, department stores, and retailers.

Nếu ngày thu gom rác thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo cho bạn trên "Public Relations Kotohira" hoặc trang web của chúng tôi. Bạn có thể mua túi đựng rác được chỉ định ở Thị trấn Kotohira tại siêu thị. Không thu thập trong các túi khác.

火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI
毎週	第2水曜日	隔週 (第1、第3)	毎週
Weekly	2nd Wed	1st and 3rd Thu	Weekly
每周	第2週星期三	隔周 星期四 (第1週, 第3週)	每周
Hàng tuần	Tuần thứ 2 "Thứ tư"	Tuần thứ 1 và thứ 3	Hàng tuần
 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(不燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác không đốt được)	 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)
可燃ごみ	プラスチック	資源ごみ	不燃ごみ
Burnable garbage	Plastic	Recyclable garbage	Non-burnable garbage
可燃垃圾	塑料	資源回収垃圾	不可燃垃圾
Rác đốt được	Đồ nhựa	Ngày thu gom rác tái chế	Rác không đốt được



収集地区の範囲、曜日は昨年と変更ありません

ごみは収集日の朝 7 ~ 8 時の間に出してください。

4月 APRIL 2024

Calendar for April 2024. Days 1-31 with status labels: 可燃 (Combustible), 不燃 (Non-combustible), プラ (Plastic), 資源 (Resource).

5月 MAY

Calendar for May. Days 1-31 with status labels: 可燃 (Combustible), 不燃 (Non-combustible), プラ (Plastic), 資源 (Resource).

6月 JUNE

Calendar for June. Days 1-30 with status labels: 可燃 (Combustible), 不燃 (Non-combustible), プラ (Plastic), 資源 (Resource).

7月 JULY

Calendar for July. Days 1-31 with status labels: 可燃 (Combustible), 不燃 (Non-combustible), プラ (Plastic), 資源 (Resource).

8月 AUGUST

Calendar for August. Days 1-31 with status labels: 可燃 (Combustible), 不燃 (Non-combustible), プラ (Plastic), 資源 (Resource).

9月 SEPTEMBER

Calendar for September. Days 1-30 with status labels: 可燃 (Combustible), 不燃 (Non-combustible), プラ (Plastic), 資源 (Resource).

10月 OCTOBER

Calendar for October. Days 1-31 with status labels: 可燃 (Combustible), 不燃 (Non-combustible), プラ (Plastic), 資源 (Resource).

11月 NOVEMBER

Calendar for November. Days 1-30 with status labels: 可燃 (Combustible), 不燃 (Non-combustible), プラ (Plastic), 資源 (Resource).

12月 DECEMBER

Calendar for December. Days 1-31 with status labels: 可燃 (Combustible), 不燃 (Non-combustible), プラ (Plastic), 資源 (Resource).

1月 JANUARY 2025

Calendar for January 2025. Days 1-31 with status labels: 可燃 (Combustible), 不燃 (Non-combustible), プラ (Plastic), 資源 (Resource).

2月 FEBRUARY

Calendar for February. Days 1-28 with status labels: 可燃 (Combustible), 不燃 (Non-combustible), プラ (Plastic), 資源 (Resource).

3月 MARCH

Calendar for March. Days 1-31 with status labels: 可燃 (Combustible), 不燃 (Non-combustible), プラ (Plastic), 資源 (Resource).

# ごみ収集カレンダー

KOTOHIRA TOWN GARBAGE COLLECTION CALENDAR 琴平町垃圾收集表  
 Lịch thu gom rác thị trấn KOTOHIRA Hầy kiểm tra nơi bạn sống.

6 地区			
<b>可燃</b> 毎週 火・金曜日	<b>不燃</b> 毎月 第2・4月曜日	<b>資源</b> 毎月 第1水曜日	<b>プラ</b> 毎月 第3水曜日

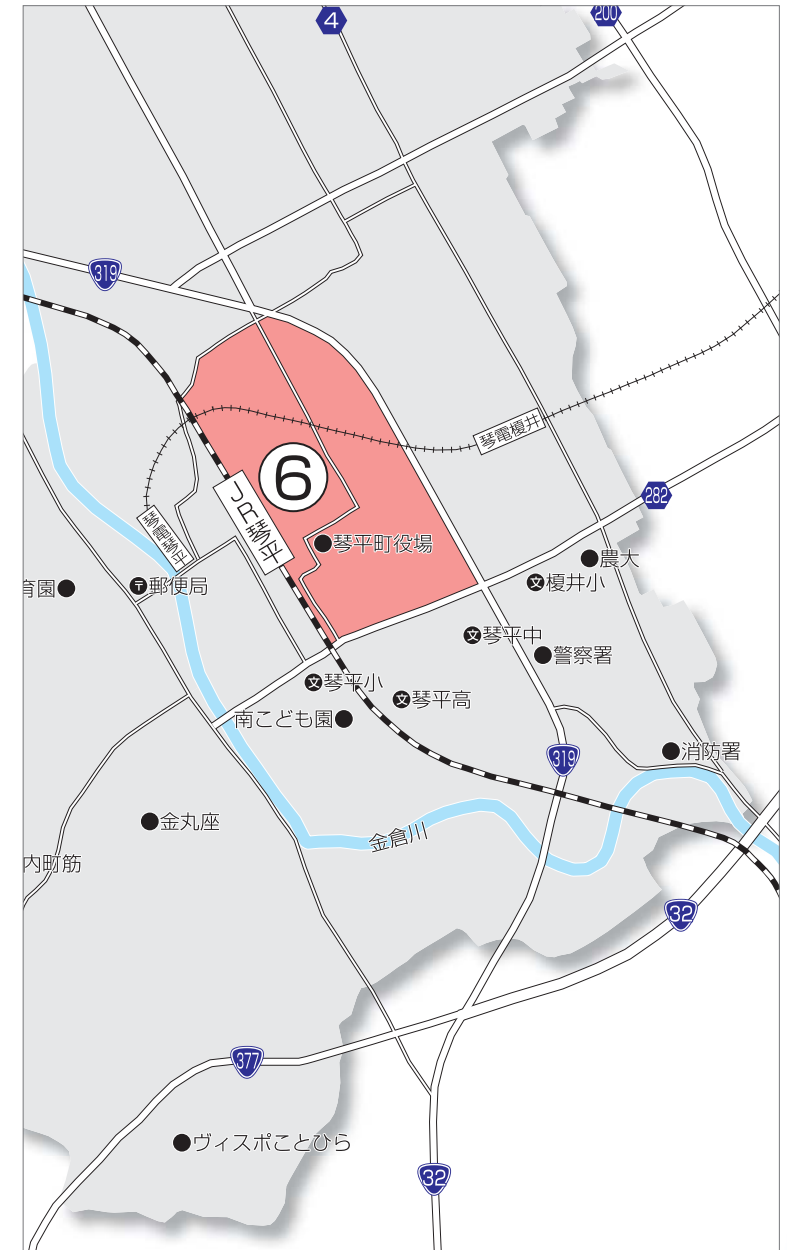
※ごみの収集日程に変更がある場合は、「広報ことひら」や自治会の回覧、琴平町ホームページでお知らせします。  
 琴平町指定ごみ袋（可燃・不燃）は、スーパーマーケット、ホームセンター、小売店等で購入できます。

※如果收集垃圾的时间有变更的话，会在「広報琴平」或自治会的传单，琴平町官网上通知  
 琴平町指定垃圾袋（可燃・不可燃两种）可在超市，家庭材料大卖场，小商店等地方购买

In the case of schedule changes, we would like to inform you of its details through our Public Relations department, and the Kotohira Town website. Details can also be found through posted flyers throughout town. Designated Kotohira town garbage bags can be bought at local supermarkets, department stores, and retailers.

Nếu ngày thu gom rác thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo cho bạn trên "Public Relations Kotohira" hoặc trang web của chúng tôi. Bạn có thể mua túi đựng rác được chỉ định ở Thị trấn Kotohira tại siêu thị. Không thu thập trong các túi khác.

月 MON	火 TUE	水 WED	金 FRI	
隔週 (第2、第4)	毎週	第1水曜日	第3水曜日	毎週
2nd and 4th Mon	Weekly	1st Wed	3rd Wed	Weekly
隔周 星期一 (第2週, 第4週)	每周	第1週星期三	第3週星期三	每周
Tuần thứ 2 và thứ 4	Hàng tuần	Tuần thứ 1 "Thứ tư"	Tuần thứ 3 "Thứ tư"	Hàng tuần
 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(不燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác không đốt được)	 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	 (町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	
不燃ごみ	可燃ごみ	資源ごみ	プラスチック	可燃ごみ
Non-burnable garbage	Burnable garbage	Recyclable garbage	Plastic	Burnable garbage
不可燃垃圾	可燃垃圾	資源回收垃圾	塑料	可燃垃圾
Rác không đốt được	Rác đốt được	Ngày thu gom rác tái chế	Đồ nhựa	Rác đốt được



収集地区の範囲、曜日は昨年と変更ありません

ごみは収集日の朝 7 ~ 8 時の間に出してください。



# ごみ収集カレンダー

KOTOHIRA TOWN GARBAGE COLLECTION CALENDAR 琴平町垃圾收集表  
 Lịch thu gom rác thị trấn KOTOHIRA Hãy kiểm tra nơi bạn sống.

7 地区			
<b>可燃</b> 毎週 火・金曜日	<b>不燃</b> 毎月 第2・4木曜日	<b>資源</b> 毎月 第1水曜日	<b>プラ</b> 毎月 第3水曜日

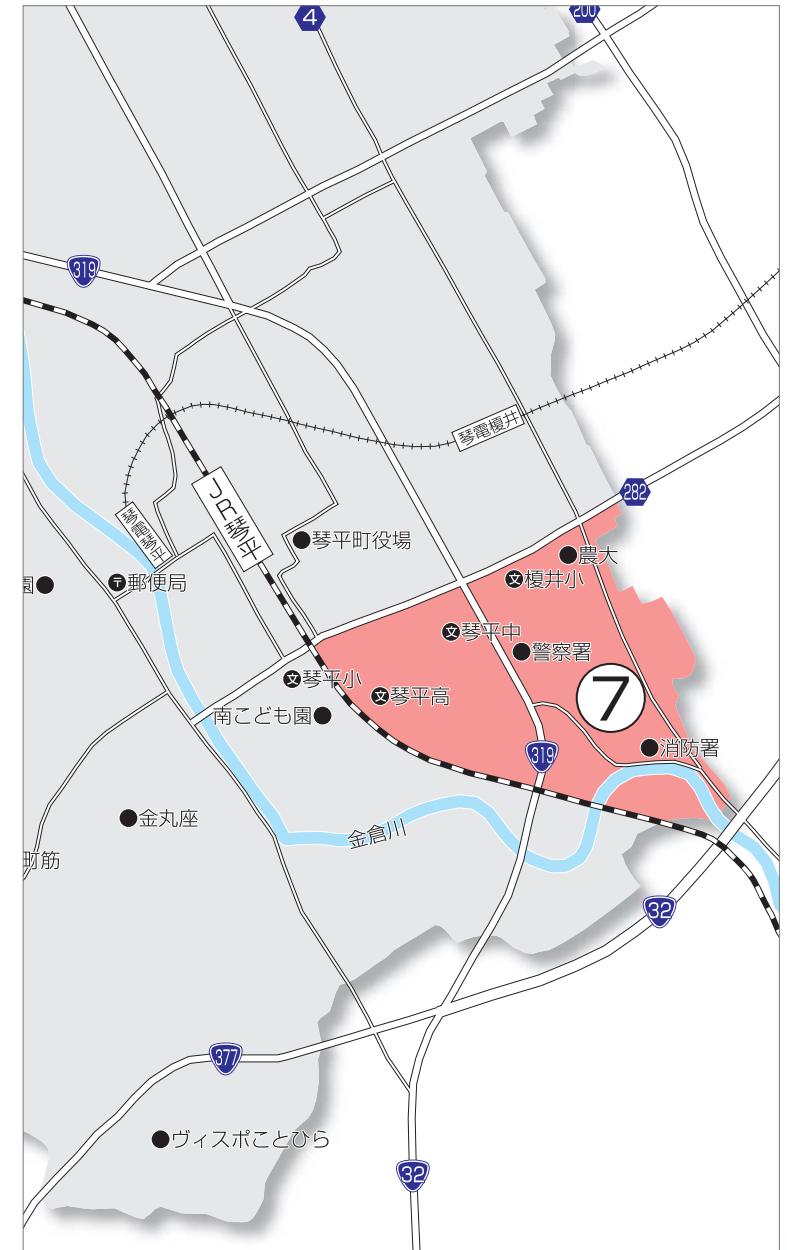
※ごみの収集日程に変更がある場合は、「広報ことひら」や自治会の回覧、琴平町ホームページでお知らせします。  
 琴平町指定ごみ袋（可燃・不燃）は、スーパーマーケット、ホームセンター、小売店等で購入できます。

※如果收集垃圾的時間有變更的話，會在「広報琴平」或自治會的傳單，琴平町官網上通知  
 琴平町指定垃圾袋（可燃・不可燃兩種）可在超市，家庭材料大賣場，小商店等地方購買

In the case of schedule changes, we would like to inform you of its details through our Public Relations department, and the Kotohira Town website. Details can also be found through posted flyers throughout town. Designated Kotohira town garbage bags can be bought at local supermarkets, department stores, and retailers.

Nếu ngày thu gom rác thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo cho bạn trên "Public Relations Kotohira" hoặc trang web của chúng tôi. Bạn có thể mua túi đựng rác được chỉ định ở Thị trấn Kotohira tại siêu thị. Không thu thập trong các túi khác.

火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI
毎週	第1水曜日	隔週 (第2、第4)	毎週
Weekly	1st Wed	2nd and 4th Thu	Weekly
每周	第1週星期三	隔周 星期四 (第2週, 第4週)	每周
Hàng tuần	Tuần thứ 1 "Thứ tư"	Tuần thứ 2 và thứ 4	Hàng tuần
			
(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(資源) Chỉ định túi đựng rác (Rác tái chế được)	(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(不燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác không đốt được)	(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)
可燃ごみ	資源ごみ	不燃ごみ	可燃ごみ
Burnable garbage	Recyclable garbage	Non-burnable garbage	Burnable garbage
可燃垃圾	資源回収垃圾	不可燃垃圾	可燃垃圾
Rác đốt được	Ngày thu gom rác tái chế	Rác không đốt được	Rác đốt được



収集地区の範囲、曜日は昨年と変更ありません

ごみは収集日の朝 7 ~ 8 時の間に出してください。



# ごみ収集カレンダー

KOTOHIRA TOWN GARBAGE COLLECTION CALENDAR 琴平町垃圾收集表  
 Lịch thu gom rác thị trấn KOTOHIRA Hãy kiểm tra nơi bạn sống.

8 地区			
<b>可燃</b> 毎週 火・金曜日	<b>不燃</b> 毎月 第2・4木曜日	<b>資源</b> 毎月 第1水曜日	<b>プラ</b> 毎月 第3水曜日

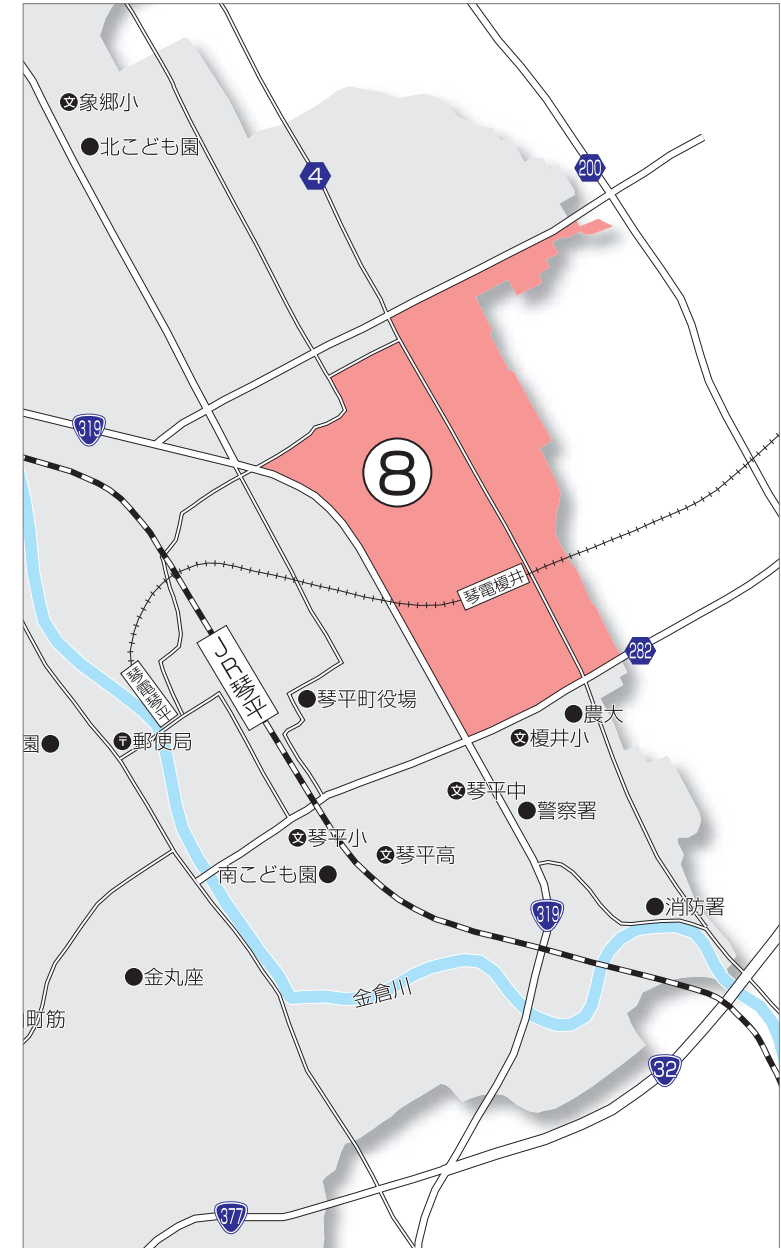
※ごみの収集日程に変更がある場合は、「広報ことひら」や自治会の回覧、琴平町ホームページでお知らせします。  
 琴平町指定ごみ袋（可燃・不燃）は、スーパーマーケット、ホームセンター、小売店等で購入できます。

※如果收集垃圾的时间有变更的话，会在「広報琴平」或自治会的传单，琴平町官网上通知  
 琴平町指定垃圾袋（可燃・不可燃两种）可在超市，家庭材料大卖场，小商店等地方购买

In the case of schedule changes, we would like to inform you of its details through our Public Relations department, and the Kotohira Town website. Details can also be found through posted flyers throughout town. Designated Kotohira town garbage bags can be bought at local supermarkets, department stores, and retailers.

Nếu ngày thu gom rác thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo cho bạn trên "Public Relations Kotohira" hoặc trang web của chúng tôi. Bạn có thể mua túi đựng rác được chỉ định ở Thị trấn Kotohira tại siêu thị. Không thu thập trong các túi khác.

火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI
毎週	第1水曜日	隔週 (第2、第4)	毎週
Weekly	1st Wed	2nd and 4th Tue	Weekly
每周	第1週星期三	隔周 星期四 (第2週, 第4週)	每周
Hàng tuần	Tuần thứ 1 "Thứ tư"	Tuần thứ 2 và thứ 4	Hàng tuần
			
(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(資源) Chỉ định túi đựng rác (Rác tái chế được)	(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(不燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác không đốt được)	(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)
可燃ごみ	資源ごみ	不燃ごみ	可燃ごみ
Burnable garbage	Recyclable garbage	Non-burnable garbage	Burnable garbage
可燃垃圾	資源回収垃圾	不可燃垃圾	可燃垃圾
Rác đốt được	Ngày thu gom rác tái chế	Rác không đốt được	Rác đốt được



収集地区の範囲、曜日は昨年と変更ありません

ごみは収集日の朝 7 ~ 8 時の間に出してください。



# 4月 APRIL 2024

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
		可燃	資源		可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃		不燃	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃	プラ		可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃		不燃	可燃	
28	29	30				
		可燃				

# 5月 MAY

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
			資源		可燃	
5	6	7	8	9	10	11
		可燃		不燃	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃	プラ		可燃	
19	20	21	22	23	24	25
		可燃		不燃	可燃	
26	27	28	29	30	31	
		可燃			可燃	

# 6月 JUNE

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
		可燃	資源		可燃	
9	10	11	12	13	14	15
		可燃		不燃	可燃	
16	17	18	19	20	21	22
		可燃	プラ		可燃	
23	24	25	26	27	28	29
		可燃		不燃	可燃	
30						

# 7月 JULY

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
		可燃	資源		可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃		不燃	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃	プラ		可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃		不燃	可燃	
28	29	30	31			
		可燃				

# 8月 AUGUST

日	月	火	水	木	金	土
				1	2	3
					可燃	
4	5	6	7	8	9	10
		可燃	資源	不燃	可燃	
11	12	13	14	15	16	17
		可燃			可燃	
18	19	20	21	22	23	24
		可燃	プラ	不燃	可燃	
25	26	27	28	29	30	31
		可燃			可燃	

# 9月 SEPTEMBER

日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7
		可燃	資源		可燃	
8	9	10	11	12	13	14
		可燃		不燃	可燃	
15	16	17	18	19	20	21
		可燃	プラ		可燃	
22	23	24	25	26	27	28
		可燃		不燃	可燃	
29	30					

# 10月 OCTOBER

日	月	火	水	木	金	土
						1
						2
		可燃			可燃	資源
6	7	8	9	10	11	12
		可燃		不燃	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃	プラ		可燃	
20	21	22	23	24	25	26
		可燃		不燃	可燃	
27	28	29	30	31		
		可燃				

# 11月 NOVEMBER

日	月	火	水	木	金	土
						1
						2
						可燃
3	4	5	6	7	8	9
		可燃	資源		可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃		不燃	可燃	
17	18	19	20	21	22	23
		可燃	プラ		可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃		不燃	可燃	

# 12月 DECEMBER

日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7
		可燃	資源		可燃	
8	9	10	11	12	13	14
		可燃		不燃	可燃	
15	16	17	18	19	20	21
		可燃	プラ		可燃	
22	23	24	25	26	27	28
		可燃		不燃	可燃	
29	30	31				
		可燃				

# 1月 JANUARY 2025

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
						資源
5	6	7	8	9	10	11
		可燃		不燃	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃	プラ		可燃	
19	20	21	22	23	24	25
		可燃		不燃	可燃	
26	27	28	29	30	31	
		可燃			可燃	

# 2月 FEBRUARY

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
		可燃	資源		可燃	
9	10	11	12	13	14	15
		可燃		不燃	可燃	
16	17	18	19	20	21	22
		可燃	プラ		可燃	
23	24	25	26	27	28	
		可燃		不燃	可燃	

# 3月 MARCH

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
		可燃	資源		可燃	
9	10	11	12	13	14	15
		可燃		不燃	可燃	
16	17	18	19	20	21	22
		可燃	プラ		可燃	
23	24	25	26	27	28	29
		可燃		不燃	可燃	
30	31					

# ごみ収集カレンダー

KOTOHIRA TOWN GARBAGE COLLECTION CALENDAR 琴平町垃圾收集表  
 Lịch thu gom rác thị trấn KOTOHIRA Hãy kiểm tra nơi bạn sống.

9 地区			
<b>可燃</b> 毎週 月・木曜日	<b>不燃</b> 毎月 第2・4火曜日	<b>資源</b> 毎月 第3水曜日	<b>プラ</b> 毎月 第1水曜日

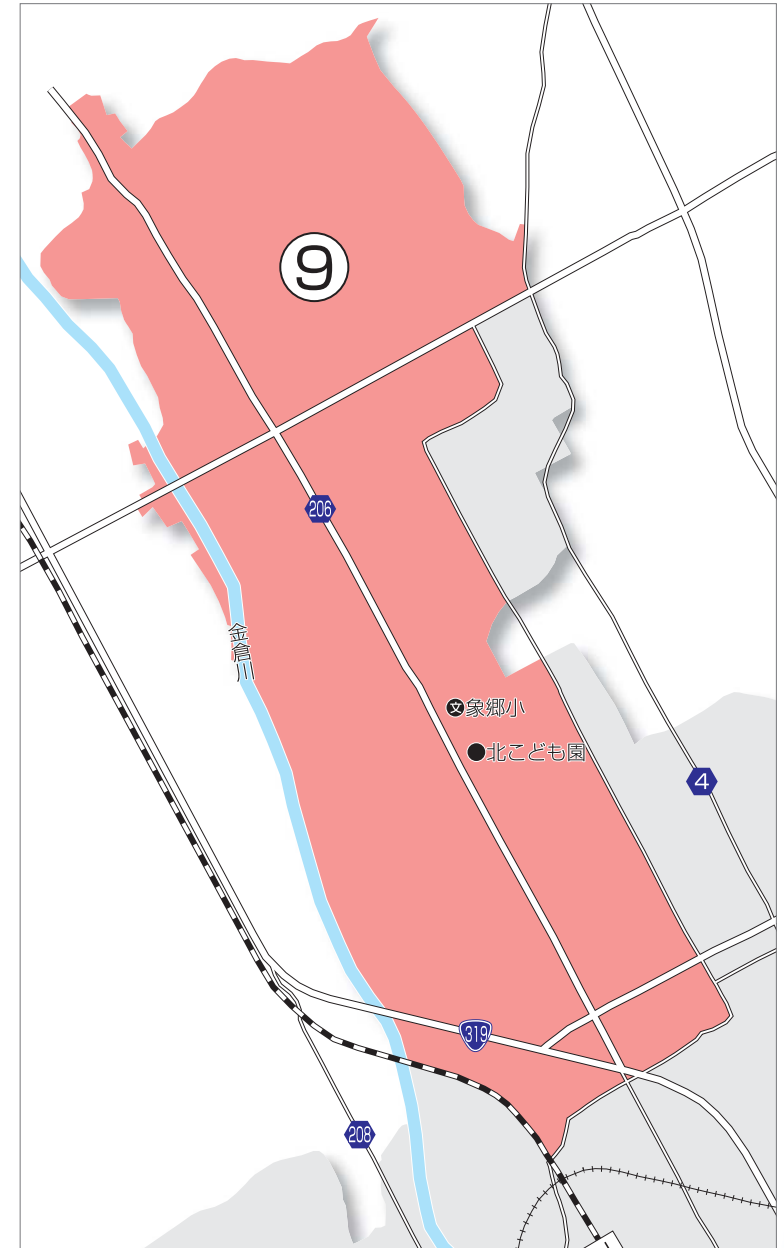
※ごみの収集日程に変更がある場合は、「広報ことひら」や自治会の回覧、琴平町ホームページでお知らせします。  
 琴平町指定ごみ袋（可燃・不燃）は、スーパーマーケット、ホームセンター、小売店等で購入できます。

※如果收集垃圾的時間有變更的話，會在「廣報琴平」或自治會的傳單，琴平町官網上通知  
 琴平町指定垃圾袋（可燃・不可燃兩種）可在超市，家庭材料大賣場，小商店等地方購買

In the case of schedule changes, we would like to inform you of its details through our Public Relations department, and the Kotohira Town website. Details can also be found through posted flyers throughout town. Designated Kotohira town garbage bags can be bought at local supermarkets, department stores, and retailers.

Nếu ngày thu gom rác thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo cho bạn trên "Public Relations Kotohira" hoặc trang web của chúng tôi. Bạn có thể mua túi đựng rác được chỉ định ở Thị trấn Kotohira tại siêu thị. Không thu thập trong các túi khác.

月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	
毎週	隔週 (第2、第4)	第1水曜日	第3水曜日	毎週
Weekly	2nd and 4th Tue	1st Wed	3th Wed	Weekly
每周	隔周 星期二 (第2週, 第4週)	第1週星期三	第3週星期三	每周
Hàng tuần	Tuần thứ 2 và thứ 4	Tuần thứ 1 "Thứ tư"	Tuần thứ 3 "Thứ tư"	Hàng tuần
	 		  	
(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(不燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác không đốt được)		(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)
可燃ごみ	不燃ごみ	プラスチック	資源ごみ	可燃ごみ
Burnable garbage	Non-burnable garbage	Plastic	Recyclable garbage	Burnable garbage
可燃垃圾	不可燃垃圾	塑料	資源回收垃圾	可燃垃圾
Rác đốt được	Rác không đốt được	Đồ nhựa	Ngày thu gom rác tái chế	Rác đốt được



収集地区の範囲、曜日は昨年と変更ありません

ごみは収集日の朝 7 ~ 8 時の間に出してください。

# 4月 APRIL 2024

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
	可燃		プラ	可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃	不燃		可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		資源	可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃	不燃		可燃		
28	29	30				
	可燃					

# 5月 MAY

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
			プラ	可燃		
5	6	7	8	9	10	11
	可燃			可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃	不燃	資源	可燃		
19	20	21	22	23	24	25
	可燃			可燃		
26	27	28	29	30	31	
	可燃	不燃		可燃		

# 6月 JUNE

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃		プラ	可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃	不燃		可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃		資源	可燃		
23	24	25	26	27	28	29
	可燃	不燃		可燃		
30						

# 7月 JULY

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
	可燃		プラ	可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃	不燃		可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		資源	可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃	不燃		可燃		
28	29	30	31			
	可燃					

# 8月 AUGUST

日	月	火	水	木	金	土
				1	2	3
				可燃		
4	5	6	7	8	9	10
	可燃		プラ	可燃		
11	12	13	14	15	16	17
	可燃	不燃		可燃		
18	19	20	21	22	23	24
	可燃		資源	可燃		
25	26	27	28	29	30	31
	可燃	不燃		可燃		

# 9月 SEPTEMBER

日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7
	可燃		プラ	可燃		
8	9	10	11	12	13	14
	可燃	不燃		可燃		
15	16	17	18	19	20	21
	可燃		資源	可燃		
22	23	24	25	26	27	28
	可燃	不燃		可燃		
29	30					
	可燃					

# 10月 OCTOBER

日	月	火	水	木	金	土
						1
						プラ
6	7	8	9	10	11	12
	可燃	不燃		可燃		
13	14	15	16	17	18	19
	可燃		資源	可燃		
20	21	22	23	24	25	26
	可燃	不燃		可燃		
27	28	29	30	31		
	可燃			可燃		

# 11月 NOVEMBER

日	月	火	水	木	金	土
						1
						2
3	4	5	6	7	8	9
	可燃		プラ	可燃		
10	11	12	13	14	15	16
	可燃	不燃		可燃		
17	18	19	20	21	22	23
	可燃		資源	可燃		
24	25	26	27	28	29	30
	可燃	不燃		可燃		

# 12月 DECEMBER

日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7
	可燃		プラ	可燃		
8	9	10	11	12	13	14
	可燃	不燃		可燃		
15	16	17	18	19	20	21
	可燃		資源	可燃		
22	23	24	25	26	27	28
	可燃	不燃		可燃		
29	30	31				
	可燃					

# 1月 JANUARY 2025

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
						プラ
5	6	7	8	9	10	11
	可燃			可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃	不燃	資源	可燃		
19	20	21	22	23	24	25
	可燃			可燃		
26	27	28	29	30	31	
	可燃	不燃		可燃		

# 2月 FEBRUARY

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃		プラ	可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃			可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃		資源	可燃		
23	24	25	26	27	28	
	可燃	不燃		可燃		

# 3月 MARCH

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃		プラ	可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃	不燃		可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃		資源	可燃		
23	24	25	26	27	28	29
	可燃	不燃		可燃		
30	31					
	可燃					

# ごみ収集カレンダー

KOTOHIRA TOWN GARBAGE COLLECTION CALENDAR 琴平町垃圾收集表  
 Lịch thu gom rác thị trấn KOTOHIRA Hầy kiểm tra nơi bạn sống.

10 地区			
<b>可燃</b> 毎週 月・木曜日	<b>不燃</b> 毎月 第2・4金曜日	<b>資源</b> 毎月 第3水曜日	<b>プラ</b> 毎月 第1水曜日

※ごみの収集日程に変更がある場合は、「広報ことひら」や自治会の回覧、琴平町ホームページでお知らせします。  
 琴平町指定ごみ袋（可燃・不燃）は、スーパーマーケット、ホームセンター、小売店等で購入できます。

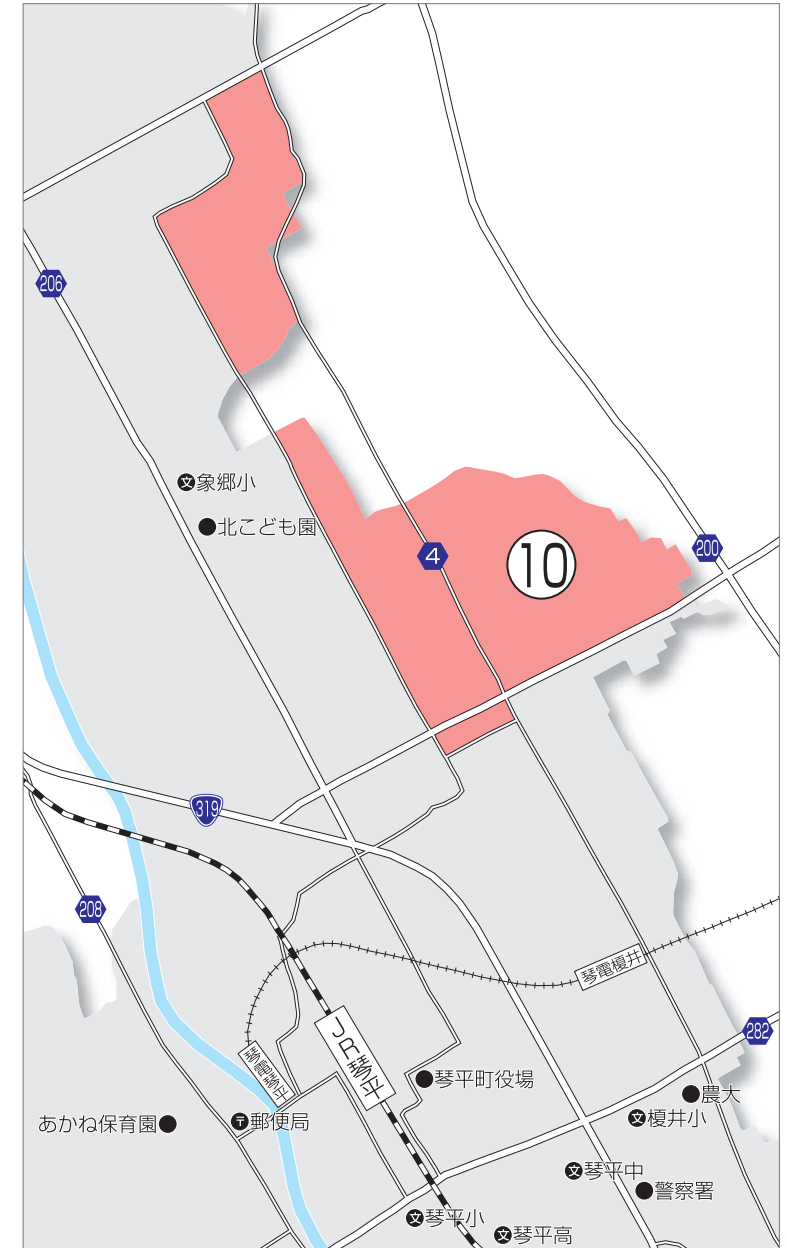
※如果收集垃圾的时间有变更的话，会在「広報琴平」或自治会的传单，琴平町官网上通知  
 琴平町指定垃圾袋（可燃・不可燃两种）可在超市，家庭材料大卖场，小商店等地方购买

In the case of schedule changes, we would like to inform you of its details through our Public Relations department, and the Kotohira Town website. Details can also be found through posted flyers throughout town. Designated Kotohira town garbage bags can be bought at local supermarkets, department stores, and retailers.

Nếu ngày thu gom rác thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo cho bạn trên "Public Relations Kotohira" hoặc trang web của chúng tôi. Bạn có thể mua túi đựng rác được chỉ định ở Thị trấn Kotohira tại siêu thị. Không thu thập trong các túi khác.

月 MON	水 WED	木 THU	金 FRI
毎週	第1水曜日	毎週	隔週 (第2、第4)
Weekly	1st Wed	Weekly	2nd and 4th Tue
每周	第1週星期三	每周	隔周 星期五 (第2週, 第4週)
Hàng tuần	Tuần thứ 1 "Thứ tư"	Hàng tuần	Tuần thứ 2 và thứ 4
			
(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)		(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(可燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác đốt được)	(町指定収集袋) Collection bags certified by Kotohira town 指定垃圾袋(不燃) Chỉ định túi đựng rác (Rác không đốt được)
可燃ごみ	プラスチック	可燃ごみ	不燃ごみ
Burnable garbage	Plastic	Burnable garbage	Non-burnable garbage
可燃垃圾	塑料	可燃垃圾	不可燃垃圾
Rác đốt được	Đồ nhựa	Rác đốt được	Rác không đốt được

ごみは収集日の朝 7 ~ 8 時の間に出してください。



収集地区の範囲、曜日は昨年と変更ありません

# 4月 APRIL 2024

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
	可燃		プラ	可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃			可燃	不燃	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		資源	可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃			可燃	不燃	
28	29	30				
	可燃					

# 5月 MAY

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
			プラ	可燃		
5	6	7	8	9	10	11
	可燃			可燃	不燃	
12	13	14	15	16	17	18
	可燃		資源	可燃		
19	20	21	22	23	24	25
	可燃			可燃	不燃	
26	27	28	29	30	31	
	可燃			可燃		

# 6月 JUNE

日	月	火	水	木	金	土
						1
	可燃		プラ	可燃		
2	3	4	5	6	7	8
	可燃			可燃	不燃	
9	10	11	12	13	14	15
	可燃			可燃	不燃	
16	17	18	19	20	21	22
	可燃		資源	可燃		
23	24	25	26	27	28	29
	可燃			可燃	不燃	
30						

# 7月 JULY

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
	可燃		プラ	可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃			可燃	不燃	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		資源	可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃			可燃	不燃	
28	29	30	31			
	可燃					

# 8月 AUGUST

日	月	火	水	木	金	土
				1	2	3
				可燃		
4	5	6	7	8	9	10
	可燃		プラ	可燃	不燃	
11	12	13	14	15	16	17
	可燃			可燃		
18	19	20	21	22	23	24
	可燃		資源	可燃	不燃	
25	26	27	28	29	30	31
	可燃			可燃		

# 9月 SEPTEMBER

日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7
	可燃		プラ	可燃		
8	9	10	11	12	13	14
	可燃			可燃	不燃	
15	16	17	18	19	20	21
	可燃		資源	可燃		
22	23	24	25	26	27	28
	可燃			可燃	不燃	
29	30					
	可燃					

# 10月 OCTOBER

日	月	火	水	木	金	土
						1
						プラ
6	7	8	9	10	11	12
	可燃			可燃	不燃	
13	14	15	16	17	18	19
	可燃		資源	可燃		
20	21	22	23	24	25	26
	可燃			可燃	不燃	
27	28	29	30	31		
	可燃			可燃		

# 11月 NOVEMBER

日	月	火	水	木	金	土
						1
						2
3	4	5	6	7	8	9
	可燃		プラ	可燃	不燃	
10	11	12	13	14	15	16
	可燃			可燃		
17	18	19	20	21	22	23
	可燃		資源	可燃	不燃	
24	25	26	27	28	29	30
	可燃			可燃		

# 12月 DECEMBER

日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7
	可燃		プラ	可燃		
8	9	10	11	12	13	14
	可燃			可燃	不燃	
15	16	17	18	19	20	21
	可燃		資源	可燃		
22	23	24	25	26	27	28
	可燃			可燃	不燃	
29	30	31				
	可燃					

# 1月 JANUARY 2025

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
						プラ
5	6	7	8	9	10	11
	可燃			可燃	不燃	
12	13	14	15	16	17	18
	可燃		資源	可燃		
19	20	21	22	23	24	25
	可燃			可燃	不燃	
26	27	28	29	30	31	
	可燃			可燃		

# 2月 FEBRUARY

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃		プラ	可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃			可燃	不燃	
16	17	18	19	20	21	22
	可燃		資源	可燃		
23	24	25	26	27	28	
	可燃			可燃	不燃	

# 3月 MARCH

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃		プラ	可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃			可燃	不燃	
16	17	18	19	20	21	22
	可燃		資源	可燃		
23	24	25	26	27	28	29
	可燃			可燃	不燃	
30	31					
	可燃					

# 琴平町の家庭ごみ分別早見表

特に問い合わせの多い、家庭ごみの分別早見表です。粗大ごみとなっているものでも、分解し小さくできれば不燃（可燃）ごみとして収集可能なものもございます。  
ご不明な点については、住民福祉課 環境衛生係までお問い合わせください。（☎75-6707）

あ あぜ波板 **収集不可** 農業資材は専門の業者に依頼

アルミホイル **可燃ごみ**

い 衣装ケース・収納ケース **粗大ごみ** プラスチックの小型のものは可燃ごみで収集可

椅子(金属製) **粗大ごみ** 指定袋に入れば不燃ごみ

椅子(木製) **粗大ごみ** 指定袋に入れば可燃ごみ

衣類 **可燃ごみ**

衣類乾燥機 **家電リサイクル** 家電リサイクル法により処理

う 植木鉢(土器) **不燃ごみ** プランターなど、プラスチック製は可燃ごみ

え エアコン(室外機を含む) **家電リサイクル** 家電リサイクル法により処理

お オープントースター **小型家電** 不燃ごみでも可

お菓子の箱(プラスチック・紙製) **可燃ごみ** 金属の箱に入っている場合に限り、不燃ごみ

おもちゃ(プラスチック・木製) **可燃ごみ** 指定袋に入らなければ粗大ごみ

おもちゃ(金属) **不燃ごみ** 指定袋に入らなければ粗大ごみ

オートバイ **収集不可** 自動車・バイク販売店へ問い合わせして下さい

温度計(水銀以外) **不燃ごみ**

か カーテン **可燃ごみ** 金具類は取り除く

カーペット(電気カーペット含む) **可燃ごみ** 大きさによっては粗大ごみ

懐中電灯 **小型家電** 不燃ごみでも可 電池は年末の資源回収時

カイロ **不燃ごみ** 使い捨てカイロのみ不燃ごみ それ以外は電池と同じ

鏡 **不燃ごみ** 指定袋に入らなければ粗大ごみ

傘 **不燃ごみ**

楽器(ギター・バイオリンなど) **粗大ごみ** 指定袋に入る場合、管楽器は不燃ごみ

ガスコンロ、IHコンロ **小型家電**

ガスボンベ(カセット式) **不燃ごみ** 中身を使い切り、穴をあけて出すこと

カセットコンロ(本体) **不燃ごみ** 指定袋に入らなければ粗大ごみ

カセットテープ・ケース **可燃ごみ**

カセットデッキ **小型家電** 指定袋に入れば不燃ごみでも可

かばん **可燃ごみ** バックルなど金属部分はできるだけ除く

紙おむつ **可燃ごみ**

カメラ(デジタルカメラ) **小型家電** 電気式のもの フィルムカメラは不燃ごみ

か がれき・瓦 **収集不可** 激甚災害時を除き、土木業者等での有料収集

革製品 **可燃ごみ** バックルなど金属部分はできるだけ除く

乾燥剤 **可燃ごみ**

乾電池 **資源ごみ** 12月の資源ごみ収集時に回収、又は役場へ持参

き 木の枝 **可燃ごみ** 長さは50cm、幹の太さは10cm以内まで。一束ごとに指定袋をつける

金庫 **粗大ごみ** 取っ手つきの小型のものは不燃ごみ

く 靴(安全靴は除く) **可燃ごみ** 鉄板入りの靴のみ不燃ごみ

車の部品 **収集不可** 自動車・バイク販売店へ問い合わせして下さい

グローブ(スポーツ用品) **可燃ごみ** 布製品、革製品、ビニール製すべて可燃ごみ

け 蛍光灯 **資源ごみ** 12月資源ごみ収集時に回収、又は役場へ持参

携帯電話 **小型家電** 不燃ごみでも可

ゲーム機 **小型家電** 不燃ごみでも可

化粧品のビン **不燃ごみ**

ケチャップの容器 **可燃ごみ** 中身が洗えないようなプラ容器は可燃ごみ

こ コーヒーメーカー **小型家電** 不燃ごみでも可

コップ(ガラス・陶器製) **不燃ごみ** プラスチック製の物は可燃ごみ

ゴルフクラブ、釣り竿 **粗大ごみ** 買取業者等、専門業者へ相談することを推奨

ゴルフバッグ **粗大ごみ** 革・ナイロン製などで小さくできれば可燃ごみ

こ コンクリートブロック **収集不可** コンクリート材質のものは全て専門の業者に依頼

さ 座椅子 **粗大ごみ** 50cm以下なら材質により**可燃ごみ**と**不燃ごみ**に

し CD・DVD **可燃ごみ**

自転車(大人・子供用) **不燃ごみ** 不燃ごみ袋(大)を1枚貼り付けること

シャンプーの容器 **可燃ごみ** 洗える場合は資源ゴミでも可

食器(紙・木製・プラスチック) **可燃ごみ** 「プラ」マークのあるものは資源ごみ

食器(陶器・ガラス・鉄) **不燃ごみ**

食用油・調味料(液体のもの) **収集不可** 新聞紙などに吸わせて可燃ごみに出す

消火器 **収集不可** 専門の業者に依頼

す 炊飯器 **小型家電** 指定袋に入れば不燃ごみでも可

スプレー缶 **不燃ごみ** 中身を使い切って穴をあけ、不燃ごみで出す

スポンジ **可燃ごみ**

せ 石油ストーブ **不燃ごみ** 電池、燃料を抜く 石油ファンヒーターも同じ

洗濯機・乾燥機 **家電リサイクル** 家電リサイクル法により処理

そ ソファ ー **粗大ごみ** 小さい椅子のみ**可燃(不燃)**で収集可

た タイヤ(自動車) **収集不可** 専門の業者に依頼

たたみ **粗大ごみ** 専門の業者に依頼を推奨

と 土(土砂) **収集不可** 庭に埋めるか土木業者に引き取り依頼

㉔ テレビ **家電リサイクル** 液晶・ブラウン管問わず、家電リサイクル法により処理

電気毛布・電気カーペット **可燃ごみ** 金属部分がわずかな混合ごみは可燃で収集可

電球 **不燃ごみ** 白熱球、LEDは不燃ごみ 蛍光灯は資源ごみ

電子レンジ・オーブン **小型家電**

㉕ 動物の死骸 **可燃ごみ** 感染症に注意すること (火バサミを使用するか、手袋ごと捨てる)

㉖ 農薬 **収集不可** 専門の業者に依頼。波板などの農業ごみも不可

㉗ パソコン(ノート・デスクトップ) **小型家電**

バッテリー **収集不可** 専門の業者に依頼

㉘ ビデオテープ **可燃ごみ**

ビデオデッキ **小型家電** 指定袋に入れば不燃ごみでも可

肥料 **収集不可** 専門の業者に依頼

㉙ ファンヒーター **不燃ごみ** 必ず電池、燃料を抜く

布団・コタツ布団 **可燃ごみ** マットレスなどの折りたためないものは粗大ごみ

プランター(樹脂) **可燃ごみ** 陶器なら不燃ごみ

プリンター **小型家電** コピー機など大型のものは専門業者へ依頼

㊀ ベッド・畳ベッド **粗大ごみ**

ペットボトルのふた **可燃ごみ** 資源ごみで出す場合は青いネットの中

ペットボトル **資源ごみ** 中をよく洗う キャップとラベルはプラ又は可燃ごみ

㊁ ベルト **可燃ごみ** 50cm以下に切る バックルは不燃ごみ

㊂ ホース **可燃ごみ** 50cm以下に切る 樹脂製のホースリールも可燃ごみ

㊃ マットレス **粗大ごみ** スプリングのない、薄い敷布団は可燃で収集可

マッサージ機(チェア) **粗大ごみ** ハンディタイプは小型家電

窓ガラス **粗大ごみ** 厚紙等で中包みし、指定袋に入れば不燃ごみ

マヨネーズ容器 **可燃ごみ** 洗えないプラ容器は全て可燃ごみ

㊄ めがね **不燃ごみ** 樹脂でできた眼鏡ケースは可燃ごみ

㊅ 物干し竿 **粗大ごみ** 樹脂製で、50cm以内に切れる場合は可燃ごみ

㊆ 薬品類 **収集不可** 専門の業者に依頼

㊇ ライター **不燃ごみ** 必ずガスは使い切る

ラケット(木製・プラスチック) **可燃ごみ** カーボン素材のラケットは不燃ごみ

ランドセル **可燃ごみ** 金属部分を取り除く

㊈ リコーダー(プラスチック) **可燃ごみ** 管楽器など、金属製の楽器のみ不燃ごみ

リモコン **小型家電** 電池を取除く

㊉ 冷蔵庫・冷凍庫 **家電リサイクル** 家電リサイクル法により処理

レンガ **収集不可** 専門の業者に依頼

㊊ ワープロ **小型家電**

- ・可燃ごみ、不燃ごみは、町指定ごみ袋で出してください。(袋は必ず縛ってください。)
- ・1袋の重量は、10kg以上にならないよう出してください。
- ・ごみは一度にまとめて出すようなことはせず、できるだけこまめに出すようお願いいたします。



# Garbage collection in Kotohira Town

Put out garbage between 7:00 am~8:00 am on collection days. Use designated bag only. Follow the rules for putting out garbage and recyclables on collection days.

If you have any questions about putting out garbage or collection days, please contact environmental sanitation of resident services division in Kotohira town hall. (☎0877-75-6707)

## Burnable garbage (Include dirty plastic items)



- Kitchen garbage (Drain off as much water as possible and tie it)
- Tree branches, bamboo items etc. Cut shorter than 50 cm and tie them before putting outside to local clean station (in large quantity, please contact us)
- Clothing (Cushions, plush toys etc.)
- Plastic items without recycling mark

## Non-burnable garbage (Not include plastic items)



- Pottery (rice bowl, teacup, plates etc.)
- A razor's edge, mirror, glass tableware, etc. and wrap the items in paper and attach a notice saying 「割れ物」 (broken)
- Cosmetics bottles
- Stove (empty the kerosene completely and put it in designated bag only), bicycle
- Lighter, spray can, gas cartridges, make a hole in the can to empty the can completely

## Oversized garbage (Paid)



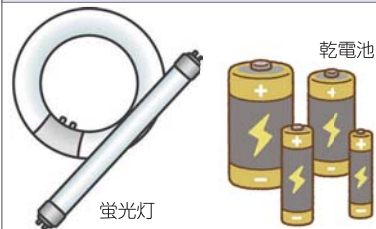
- Paid (Fee ¥7,000-36,000)
- Reservation required (0877-75-6707)
- Take out of house (Garbage collectors cannot enter the house)

## Recyclable garbage



- Cans - separate aluminum and steel, two types
- Bottles - separate brown, transparent and colorless, the others, three types
- PET bottles - bottles with PET recycle mark (remove the label and wash them)
- Plastic - plastic containers and wrappings with the plastic identification mark (remove the label and wash them)
- Paper waste - separate newspapers (includes advertisement flyer), magazines (books, catalog etc.), cardboard, three types
- ※ Please tie them with cord
- ※ In collection place, please separate three types

## Dry cell battery, Fluorescent lights



- Collections are acceptable only on the collection days in December.
- Check out your collection days based on the area you live.
- List of collection place : Town hall, Enai public hall, Kotohiratyou cultural hall, Zougo agricultural improvement center.
- Dry cell battery can be collected, but not rechargeable batteries and button batteries
- Fluorescent lights are fragile so wrap them in original cases or wrap them with newspapers

## Items not collected by Kotohira town



- In the following, please contact handlers sell recycle or consult with the recycle shop
  - ① Televisions, air conditioners, refrigerators & freezers, washing & drying machine (These items defined by the home appliances recycling law)
  - ② Tires, batteries, agricultural, medicines, fire extinguishers, waste oil, toxic material, corrugated sheet etc.
  - ③ Business activities (business) business owners are responsible for the disposal of the business generated waste.
- ※ Only be collected household waste by Kotohira town

# 琴平町垃圾收集表

請於收集日的早上 7~8 點間將垃圾放置收集地。垃圾請放入町指定垃圾袋後放置收集地  
請依下列的分類法分類，請於指定日放置收集地

如有垃圾的收集方法與收集日等相關問題，請與琴平町役場住民服務課 環境衛生專員聯絡 (0877-75-6707)

## 可燃垃圾 (包括臟塑料)



- 廚房垃圾 (將水份瀝乾後放入袋中，並綁緊袋口)
- 樹枝，竹子等請切成 50cm 以內大小後，細綁放入袋中後放置收集地 (如量多時，請與我們聯絡)
- 衣類 (坐墊，布玩偶等)
- 未標有回收標誌的塑膠類垃圾
- 臟 (不能洗) 塑料垃圾

## 不可燃垃圾 (不包括塑料)



- 陶器 (碗・杯子・盤子等)、化妝品的瓶子
- 刮鬍刀的刀片，鏡子，玻璃器皿類等危險物品請用紙包好後寫上「割れ物」(破碎物品) 後丟棄
- 暖爐 (必須將煤油取出後，放入指定垃圾袋裡丟棄)
- 打火機，噴霧罐，必須在卡式瓦斯罐上打洞使氣體完全排放
- 自行車 (描述「捨てる」)

## 超大垃圾 (有薪酬的)



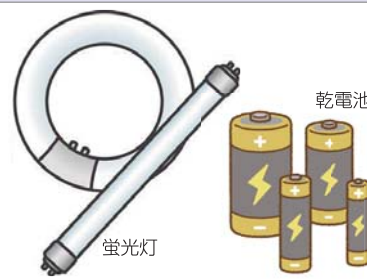
- 有薪酬的 (7,000 日圓~ 36,000 日圓)
- 需要預約
- 請執行戶外 (清潔工無法進入房屋)

## 資源回收垃圾



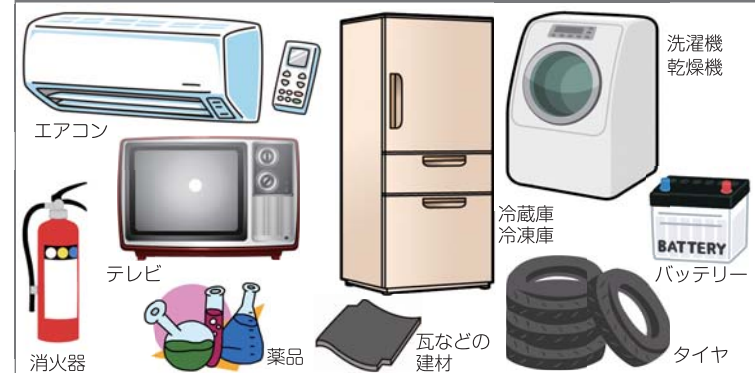
- 罐子—請分成鋁罐，鐵罐 2 種
- 瓶子—請分成茶色，透明無色，其他顏色 3 種
- 保特瓶—有 PET 回收標誌 (請將外標貼撕下後清洗乾淨)
- 塑膠類—有塑膠回收標誌 (請將外標貼撕下後清洗乾淨)
- 紙類—請分成報紙 (含廣告・傳單)，雜誌 (書籍，目錄等)，紙箱 3 種
- ※為了不散亂，請用繩子細綁好。請分成 3 種，放置於垃圾收集場。

## 乾電池・螢光燈



- 收集日為 12 月各地的資源回收垃圾日。12 月以外的資源回收垃圾日是不回收的
- 隨時都能回收的地方有，役場住民服務課・榎井公民館・文化會館・農業改善中心的窗口
- 乾電池能回收，但是鈕扣電池及充電式電池是不能回收
- 為了不讓日光燈破損，請使用購買時的箱子或是用報紙包好

## 無法收集的東西



- 如有下列的垃圾要請販售的店家取回或是請專門的業者處理
- ①家電回收法中標示有義務要回收的商品(電視，冷氣，冰箱，冰庫，洗衣機，烘乾機)
- ②輪胎，電池，農藥，藥品，滅火器，廢油，有毒物質，菜畦波浪隔板等
- ③事業活動(營業)用所產生的垃圾必須自己處理
- ※琴平町只收集家庭的垃圾

# Cách bỏ rác ở Thị trấn Kotohira

Vui lòng bỏ rác trước 7-8 giờ sáng của ngày thu gom. Vui lòng cho rác thải dễ cháy và khó cháy vào túi do thị trấn chỉ định và bỏ ra ngoài.  
Vui lòng sắp xếp như sau và đưa ra vào ngày thu thập được chỉ định.

Nếu bạn có thắc mắc về cách bỏ rác và ngày thu gom, Xin vui lòng liên hệ với chúng tôi. (0877-75-6707)

### Rác có thể đốt được (Kể cả nhựa bán)

- 生ごみ (Sinh vật)
- 衣類 (Quần áo)
- 紙おむつ (Giấy vệ sinh)

- Rác thô (Thức ăn thừa) Lau khô và buộc miệng túi
- Cây trong vòng 50 cm
- Quần áo, đệm, thú nhồi bông
- Rác không có "nhãn nhựa"
- Kể cả nhựa bán

### Rác không cháy (Nhựa đang đốt rác)

- ガラス (Kính)
- 陶器・食器類 (Đồ gốm sứ)
- 電球類 (Đèn điện)
- 穴の開いたスプレー缶・カセットボンベ (Bình xịt có lỗ)
- ストーブ (Lò sưởi)

- Bọc các lưỡi dao và mảnh kính vỡ trong giấy
- Chai mỹ phẩm
- Bếp (Đảm bảo loại bỏ dầu hỏa và gắn túi được chỉ định vào bếp.)
- Đối với bật lửa, bình xịt và bình ga hãy đục lỗ và tháo khí
- Xe đạp (viết "Suteru")

### Rác quá khổ (tính phí)

- マットレス (Giường)
- いす類 (Giường)
- たんす (Sofa)
- マッサージチェア (Tủ)

- Trả phí (7.000 yên~ 36.000 yên)
- Yêu cầu đặt chỗ trước
- Người dọn dẹp không được phép vào trong nhà. Nếu bạn không thể lấy nó ra khỏi nhà, hãy nói chuyện với công ty chuyển nhà của bạn

### Chất thải có thể tái chế

- びん類 (Chai)
- 新聞紙 (Giấy báo)
- 雑誌 (Tạp chí)
- プラスチック (Nhựa)

- Chia lon thành "nhôm" và "thép"
- Tách các lọ thành màu nâu, trong suốt và các màu khác
- Chai nhựa có ghi "PET" trên chúng (Loại bỏ nhãn và rửa sạch)
- Những người có dấu "nhựa" (Rửa sạch và cho vào lưới xanh)
- Báo, tạp chí, bìa cứng riêng biệt
- ※Buộc bằng một sợi dây

### Pin / đèn huỳnh quang

- 蛍光灯 (Đèn huỳnh quang)
- 乾電池 (Pin)

- Ngày thu gom là Ngày chất thải có thể tái chế của tháng Mười Hai.
- Bạn có thể đem rác (Pin, đèn huỳnh quang)/ đến văn phòng ủy ban (Từ thứ 2 đến thứ 6)
- Pin cúc áo và pin có thể sạc lại không thu gom
- Bọc bóng đèn huỳnh quang trong hộp hoặc tờ báo đi kèm khi bạn mua để tránh bị vỡ.

### Những thứ không thể thu gom

- エアコン (Điều hòa)
- テレビ (TV)
- 冷蔵庫 (Tủ lạnh)
- 洗濯機 (Máy giặt)
- 乾燥機 (Máy sấy)
- 消火器 (Bình chữa cháy)
- 薬品 (Thuốc)
- 瓦などの建材 (Vật liệu xây dựng)
- タイヤ (Xe đạp)
- BATTERY (Pin)

- Vui lòng mang nó đến một cửa hàng hoặc yêu cầu một nhà cung cấp chuyên nghiệp xử lý nó.
- ① Các sản phẩm tuân theo Luật tái chế thiết bị gia dụng (TV, máy điều hòa nhiệt độ, tủ lạnh, tủ đông, máy giặt, máy sấy)
- ② Lốp xe, ắc quy, thuốc trừ sâu, hóa chất, bình chữa cháy, dầu thải, chất độc hại, tấm tôn, v.v.
- ③ Hãy bỏ rác tại nơi làm việc
- ※Chỉ có thể thu gom rác thải của các cá nhân tại nhà ở Thị trấn Kotohira.

# 琴平町ごみの出し方・ごみ収集表

ごみは収集日の朝7~8時までに出してください。可燃・不燃ごみは町指定袋に入れて出してください。下記のとおり分別して、指定された収集日に出してください。

ごみの出し方や収集日についてわからないことがあれば、琴平町役場住民福祉課 環境衛生係までご相談下さい。(☎0877-75-6707)

## 可燃ごみ (汚れのとれないプラスチックごみも含む)



- ・生ごみ (十分に水切りをして袋に入れ、口をしぼる)
- ・木切れ、竹などは50cm以内に切って、縛って出してください。
- ・衣類・座布団・ぬいぐるみ等
- ・プラスチックマークのついていないプラスチックごみ
- ・汚れたプラスチックゴミ

## 不燃ごみ (プラスチック類は不燃ごみで収集しません)



- ・カミソリの刃、鏡、ガラス食器類など危険物は紙などで包んで「割れ物」と書いて出してください。
- ・化粧品のビン
- ・ストーブ (必ず灯油を抜いて、指定袋を貼り付けて出してください。)
- ・ライター、スプレー缶、カセットボンベは必ず、穴を開けてガス抜かしてください。
- ・自転車 (捨てることをはっきりと書いてください。)

## 粗大ごみ



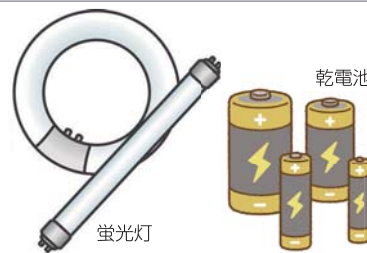
- ・町でも収集しますが、有料(7000円~36000円)になります。
- ・予約が必要です。
- ・建物内に入ったの収集はできません。持ち出しが必要な場合は、引っ越し業者へ依頼してください。

## 資源ごみ



- ・缶 - アルミ缶、スチール缶の2種類にわけてください
- ・ビン - 茶色、無色透明、その他の3種類にわけてください。
- ・ペットボトル - PET マーク表示があるもの。(ラベル等は剥がして洗って下さい。)
- ・プラスチック - プラマークのついているもの。(ラベル等は剥がして洗って下さい。)
- ・紙類 - 新聞 (広告・チラシを含む)、雑誌 (本・カタログなど)、段ボールの3種類。
- ※ひもでバラバラにならないようしばってください。収集場所では3種類に分けて置いてください。

## 乾電池・蛍光灯



- ・収集日は、12月の各地域の資源ごみの日です。12月以外の資源ごみの日には収集していません。
- ・持込回収場所: 役場住民福祉課・榎井公民館・文化会館・農業改善センターの窓口です。
- ・乾電池は収集しますが、ボタン電池と充電式電池は収集しません。
- ・蛍光灯は、割れないように購入時に入っていた箱や新聞紙に包んでください。

## 収集できないもの



- ・販売店などで引き取ってもらうか、専門の業者に処理を依頼してください。
- ①家電リサイクル法に対象品 (テレビ、エアコン、冷蔵庫・冷凍庫、洗濯機・乾燥機)
- ②タイヤ・バッテリー・農薬・薬品・消火器・廃油・有毒物質・あぜ波板等
- ③事業活動 (営業) により生じたごみは自己責任で処分してください。
- ※琴平町で収集できるのは、個人が家庭で排出したごみのみです。